

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO
Kết quả sản xuất vụ Đông 2014
kế hoạch vụ Đông 2015 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Văn bản số 1373/TT-CLT ngày 03/8/2015 của Cục trồng trọt về việc báo cáo kết quả sản xuất vụ Đông 2014, kế hoạch vụ Đông 2015. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang báo cáo đánh giá kết quả sản xuất vụ Đông 2014, kế hoạch vụ Đông 2015 trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong sản xuất vụ đông năm 2014

1.1. Thuận lợi

- Sở Nông nghiệp đã ban hành hướng dẫn khung kế hoạch sản xuất một số cây trồng chính số 2114/SNN-KH ngày 19/11/2013. Hướng dẫn chỉ rõ các nội dung nhiệm vụ, đơn vị thực hiện, thời gian phải hoàn thành; hướng dẫn nhân dân sản xuất trong khung thời vụ tốt nhất; nâng cao tính chủ động, trách nhiệm trong công tác tham mưu chỉ đạo của các cơ quan, đơn vị liên quan trong phục vụ nông dân tổ chức sản xuất đảm bảo hiệu quả.

- Ngay từ đầu vụ sản xuất, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố, chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn, các đơn vị chuyên môn bám sát cơ sở đôn đốc, hướng dẫn nhân dân tổ chức sản xuất theo đúng lịch thời vụ.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chuyên môn với các cấp chính quyền địa phương trong công tác chỉ đạo sản xuất đã trực tiếp thúc đẩy người dân chú trọng đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng, lợi nhuận từ sản xuất cây vụ đông.

- Công tác chỉ đạo sản xuất về thời vụ, cung ứng giống, vật tư phục vụ sản xuất luôn được quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành.

+ Hệ thống khuyến nông tổ chức tập huấn kỹ thuật sản xuất vụ đông xong trước ngày 30/8.

+ Hoàn thành cung ứng giống xong trước ngày 15/9; không có địa phương nào bị thiếu giống sản xuất. Các lô giống cung ứng phục vụ sản xuất đều được kiểm tra nguồn gốc, chất lượng trước khi cung ứng đến người dân.

- Để khuyến khích các hộ nông dân mở rộng diện tích gieo trồng vụ đông, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 hỗ trợ giống (ngô trồng lấy hạt, ngô trồng làm thức ăn gia súc) sản xuất trên chân ruộng 2 vụ lúa vụ đông năm 2014 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Công tác cung ứng giống hỗ trợ được triển khai kịp thời, chất lượng được các cơ quan chuyên môn của tỉnh, huyện giám sát chặt chẽ; việc kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo người sản xuất thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật, tổ chức sản xuất ở các địa phương thuận lợi đã góp phần tăng thu nhập cho người sản xuất.

1.2. Khó khăn:

- Đầu tư thâm canh cho các cây trồng vụ đông ở mức cao; lao động nông nghiệp thiếu cục bộ, gây khó khăn cho sản xuất.

- Công tác chỉ đạo sản xuất tại một số địa phương còn chưa thật sự quyết liệt dẫn đến chậm thời vụ và không hoàn thành kế hoạch đã giao;.

2. Kết quả sản xuất cây vụ đông 5 năm (từ năm 2010 đến năm 2014)

- Diện tích gieo trồng cây vụ đông hàng năm trên 13.000 ha; (trong đó trồng trên ruộng 2 vụ lúa trên 10.000 ha, bằng 76,9% tổng diện tích).

- Năm 2010 diện tích trồng cây vụ đông là 14.173 ha, đến năm 2014 diện tích trồng cây vụ đông là 15.638 ha, tăng 1.464 ha.

- Năm 2014: Toàn tỉnh đã gieo trồng 15.638 ha, gồm: Ngô lấy hạt, ngô làm TAGS, đậu tương, khoai lang, rau,... ; trong đó trồng trên ruộng 2 vụ lúa trên 10.000 ha. Cụ thể:

+ Cây ngô: Diện tích 6.128 ha, đạt 123,7% so với KH và bằng 134,3% so với vụ đông năm 2013, (trong đó trên ruộng 2 vụ lúa là 4.297 ha, bằng 156,5% so với vụ đông 2013), năng suất 43,9 tạ/ha, sản lượng 26.891 tấn, bằng 137% so với vụ đông 2013.

+ Cây ngô làm TAGS: Diện tích 2.058 ha, bằng 143,1% so với vụ đông năm 2013, (trong đó trên ruộng 2 vụ lúa là 2.058 ha, bằng 143,1% so với vụ đông 2013), năng suất 499,5 tạ/ha, sản lượng 92.590 tấn.

+ Cây đậu tương: Diện tích 248 ha đạt 75% so với kế hoạch và bằng 88,8% so với vụ đông năm 2013 (trong đó trên ruộng 2 vụ lúa là 248 ha), năng suất 17,9 tạ/ha, sản lượng 444 tấn, bằng 100,5% so với vụ đông 2013.

+ Cây khoai lang: Diện tích 3.007 ha đạt 70,9% so với kế hoạch và bằng 96,2% so với vụ đông 2013 (trong đó trên ruộng 2 vụ lúa là 2.902 ha, bằng 95% so với vụ đông 2013), năng suất 58,1 tạ/ha, sản lượng 17.474 tấn, bằng 93,1% so với vụ đông 2013.

+ Cây rau các loại: Diện tích 4.196 ha (trong đó trên ruộng 2 vụ lúa là 4.196 ha), năng suất 92,2 tạ/ha, sản lượng 38.696 tấn.

3. Tổng giá trị sản xuất cây vụ đông năm 2014

- Cây ngô: 30.000.000đ/ha x 6.128 ha = 183.831.000.000 đ.

- Cây ngô làm TAGS 30.000.000.000 x 2.085 ha = 62.550.000.000 đ.

- Cây đậu tương: 25.000.000đ/ha x 248 ha = 6.200.000.000 đ.

- Cây khoai lang: 27.000.000đ/ha x 3.007 ha = 81.189.000.000 đ.

- Cây rau đậu: 90.000.000đ/ha x 4.196 ha = 377.640.000.000 đ.

4. Một số mô hình sản xuất điển hình, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất trong vụ đông

Mô hình sản xuất rau an toàn theo hướng VietGAP tại xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương; xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn; Phường Tân Hà, Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang.

Mô hình trồng ngô nếp, trồng ngô mật độ cao, sản xuất rau theo hướng VietGAP... đã được nhân rộng ra sản xuất và góp phần tăng năng suất, hiệu quả đầu tư đối với cây trồng.

5. Cơ chế chính sách của địa phương

Thực hiện Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của UBND tỉnh Tuyên Quang về hỗ trợ giống (ngô trồng lấy hạt, ngô trồng làm thức ăn gia súc) sản xuất trên chân ruộng 2 vụ lúa vụ đông năm 2014 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Toàn tỉnh đã cấp hỗ trợ 71.148,5 kg ngô lai cho các hộ sản xuất, trong đó: 59.001,8 kg ngô giống để trồng lấy hạt (18.154,3 kg giống LVN4; 7.363,7 kg giống MX6; 6.566 kg giống B9698; 10.014 kg giống CP3Q; 16.903,8 kg giống NK4300) và 12.146,7 kg ngô giống để trồng làm thức ăn gia súc. Kinh phí thực hiện 2.609.035 triệu đồng.

6. Kế hoạch sản xuất vụ đông 2015

6.1. Kế hoạch

- Cây ngô: diện tích 4.054 ha, trong đó trồng xuống ruộng 2.404 ha; năng suất 43,5 tạ/ha; sản lượng 17.640 tấn.

- Cây đậu tương: diện tích 220 ha, trong đó trồng xuống ruộng 220 ha; năng suất 18 tạ/ha; sản lượng 396 tấn.

- Cây khoai lang: diện tích 3.497 ha, trong đó trồng xuống ruộng 3.420 ha; năng suất 62 tạ/ha; sản lượng 21.700 tấn.

6.2. Đánh giá thuận lợi, khó khăn

Thuận lợi:

- Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo sản xuất sát sao về thời vụ, cung ứng giống, vật tư phục vụ sản xuất.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đang khẩn trương xem xét, quyết định chính sách hỗ trợ giống (ngô trồng lấy hạt, ngô trồng làm thức ăn gia súc) sản xuất vụ đông trên chân ruộng 2 vụ năm 2015 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Dự kiến ban hành trước 10/8 để các địa phương triển khai

Khó khăn: Giá giống, phân bón, chi phí đầu tư trồng cao, thời vụ trồng cây vụ đông ngắn nên thiếu nhân lực cục bộ ở thời kỳ giáp vụ (vừa thu hoạch lúa mùa vừa phải làm đất, trồng ngô, đậu tương).

6.3 Giải pháp tổ chức sản xuất.

- Tổ chức tập huấn sản xuất vụ đông xong trước ngày 30/8. Các huyện tổ chức đăng ký giống xong trước ngày 25/8.

- Công ty CP giống, vật tư NLN và các đơn vị cung ứng giống, vật tư trên địa bàn tỉnh tổ chức cung ứng giống kịp thời, đầy đủ chủng loại, số lượng giống đến nhân dân xong trước ngày 10/9.

- Đôn đốc, hướng dẫn nhân dân huy động nhân lực, máy móc tập trung làm đất, gieo trồng cây ngô, cây màu vụ Đông đúng khung thời vụ. Áp dụng biện pháp làm đất tối thiểu, làm ngô bầu trồng trên ruộng 2 vụ lúa; thời vụ tốt nhất ưu tiên gieo trồng ngô, đậu tương. Những nơi thuận lợi nước tưới bố trí mở rộng diện tích gieo trồng cây có giá trị kinh tế cao như: Khoai tây, cà chua, rau đậu các loại đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu diện tích và tăng giá trị sản xuất vụ đông.

- Chú trọng việc kiểm tra giám sát đồng ruộng, kịp thời phát hiện và tổ chức phòng trừ sâu, bệnh hại hiệu quả đảm bảo không để sâu bệnh phát sinh gây hại thành dịch làm ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng.

7. Kiến nghị, đề xuất

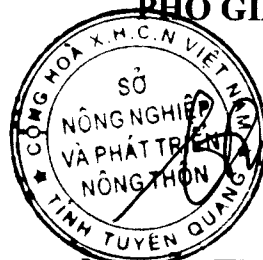
- Đề nghị Cục Trồng trọt hỗ trợ thực hiện các mô hình trình diễn giống cây trồng mới vụ đông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Trên đây là kết quả sản xuất vụ đông năm 2014, kế hoạch sản xuất vụ đông 2015, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: *[Signature]*

- UBND tỉnh;
- Cục Trồng trọt; (Báo cáo)
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KH-TC;
- Lưu: VT, TrTr.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Hoàng Yên

SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2010 - 2015 TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Báo cáo số: 1690/BC-SNN ngày 05/8/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Số TT		1	2	3	4	5	6	7	Tổng
Cây trồng		Ngô	K.lang	Khoai tây	Đậu tương	Lạc	Rau các loại	Cây ngô TAGS	
Diện tích (nghìn ha)	2010	5,04	3,28		0,73		4,02	1,10	14,17
	2011	2,78	2,30		0,17		3,32	2,66	11,23
	2012	4,51	3,12		0,35		4,20	1,50	13,67
	2013	4,67	3,00		0,28		3,86	1,44	13,24
	2014	6,13	3,01		0,25		4,19	2,06	15,64
	KH 2015	4,05	3,50		0,22		4,00	2,16	13,93
Năng suất (tạ/ha)	2010	41,68	60,87		16,45		89,01	430,00	
	2011	42,54	60,36		14,07		91,73	432,00	
	2012	43,43	62,41		16,36		91,19	445,00	
	2013	42,06	62,65		15,86		91,46	450,00	
	2014	43,87	58,04		17,90		92,34	449,47	
	KH 2015	53,58	62,00		18,00		92,50	450,00	
Sản lượng (nghìn tấn)	2010	21,01	19,96		1,20		35,77	47,47	
	2011	11,84	13,90		0,24		30,46	114,78	
	2012	19,59	19,44		0,57		38,30	66,66	
	2013	19,63	18,77		0,44		35,30	64,69	
	2014	26,89	17,47		0,44		38,69	92,59	
	KH 2015	21,70	21,70		0,40		37,00	97,00	

SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2010 - 2015 TỈNH TUYỀN QUANG

(Kèm theo Báo cáo số: 1690/BC-SNN ngày 05/8/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Số TT		Ngô		K.lang		Khoai tây		Đậu tương		Lạc		Rau các loại		Cây ngô TAGS		Tổng	
		ĐẤT CHUYỀN MÀU	ĐẤT LÚA	ĐẤT CHUYỀN MÀU	ĐẤT LÚA	ĐẤT CHUYỀN MÀU	ĐẤT LÚA	ĐẤT CHUYỀN MÀU	ĐẤT LÚA	ĐẤT CHUYỀN MÀU	ĐẤT LÚA	ĐẤT CHUYỀN MÀU	ĐẤT LÚA	ĐẤT CHUYỀN MÀU	ĐẤT LÚA	ĐẤT CHUYỀN MÀU	ĐẤT LÚA
Diện tích (nghìn ha)	2010	1,91	3,13	0,46	2,82			0,02	0,72			1,29	2,73	-	1,10	3,67	10,50
	2011	2,23	0,55	1,03	1,27			-	0,17			0,65	2,67	0,0	2,65	3,92	7,31
	2012	1,66	2,85	-	3,12			-	0,35			1,25	2,95	-	1,50	2,91	10,76
	2013	2,34	2,32	0,05	2,94			-	0,28			0,15	3,71	0,0	1,44	2,55	10,69
	2014	1,85	4,28	0,11	2,90			-	0,25			-	4,19	-	2,06	1,96	13,68
	KH 2015	1,65	2,40	0,08	3,42			-	0,22			-	4,00			1,73	10,04
Năng suất (tạ/ha)	2010	41,7		60,9				16,5				89,0		430,0			
	2011	42,5		60,4				14,1				91,7		432,0			
	2012	43,4		62,4				16,4				91,2		445,0			
	2013	42,1		62,7				15,9				91,5		450,0			
	2014	43,9		58,0				17,9				92,3		449,5			
	KH 2015	53,6		62,0				18,0				92,5		450,0			
Sản lượng (nghìn tấn)	2010	21,01		19,96				1,20				35,77		47,47			
	2011	11,84		13,90				0,24				30,46		114,78			
	2012	19,59		19,44				0,57				38,30		66,66			
	2013	19,63		18,77				0,44				35,30		64,69			
	2014	26,89		17,47				0,44				38,69		92,59			
	KH 2015	21,70		21,70				0,40				37,00		97,00			